

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2021

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức Gương và bà Bùi Thị Vân Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đào Văn T, sinh năm 1980. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Thị L, sinh năm 1984. (Xin xử vắng mặt).

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Q, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Anh Dũng và ông Đặng Văn Sơn, luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đặng Sơn – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt ông Dũng; ông Sơn vắng mặt đã gửi bản luận cứ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đào Văn T trình bày:

Anh với chị Đặng Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tháng 10 năm 2002 tại UBND xã Q, huyện P. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã Q, huyện P. Vợ chồng chung sống cũng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị L không chăm sóc gia đình, không chăm sóc con cái trong khi anh là lao động chính trong gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng vào đầu năm 2018 công việc làm ăn khó khăn khiến anh chán nản. Chị L không những không biết quan tâm động viên anh, hơn nữa chị L thường xuyên ghen tuông vô cớ khiến vợ chồng càng xa cách. Mâu thuẫn trầm trọng đến tháng 02/2020 anh về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ gì. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên anh làm đơn đề nghị được ly hôn với chị Đặng Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung là Đào Thế H sinh ngày 25/8/2003, Đào Thế C sinh ngày 31/5/2008; Đào Thị Hồng M sinh ngày 13/8/2015; Đào Thị Hồng A sinh ngày 11/6/2018. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu C; đề nghị chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu H; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung vợ chồng: Vợ chồng anh tự thỏa thuận tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Vợ chồng anh tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các bản trình bày và biên bản lấy lời khai phía bị đơn chị Đặng Thị L trình bày:

Chị L xác nhận điều kiện kết hôn như anh T trình bày là đúng. Chị với anh Đào Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tháng 10 năm 2002 tại UBND xã Q, huyện P. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại thôn Tầm Thượng, xã Q, huyện P. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng đầu năm 2020 do mâu thuẫn vợ chồng nên vợ chồng không thể nói chuyện với nhau. Anh T đã không sống cùng chị từ đầu năm 2020 đến nay. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ gì. Nay anh T đề nghị ly hôn quan điểm của chị là xác định tình cảm không còn nhưng chị không đồng ý ly hôn vì lý do tôn giáo tín ngưỡng.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung là Đào Thế H sinh ngày 25/8/2003, Đào Thế C sinh ngày 31/5/2008; Đào Thị Hồng M sinh ngày 13/8/2015; Đào Thị Hồng A sinh ngày 11/6/2018. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu Hồng A; đề nghị anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu C; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung vợ chồng: Vợ chồng chị tự thỏa thuận tài sản chung nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Vợ chồng chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn trình bày luận cứ đề nghị không chấp nhận đơn ly hôn của anh Thông vì vợ chồng vẫn còn khả năng đoàn tụ; trường hợp ly hôn thì đề nghị ghi nhận thỏa thuận của anh chị về giao nuôi con; về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác phía bị đơn chị Lưu cũng khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của anh Đào Văn Thông và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia

đình xử: Cho anh Đào Văn T được ly hôn chị Đặng Thị L; giao con chung là Đào Thế Hsinh ngày 25/8/2003 và Đào Thế C sinh ngày 31/5/2008 cho anh Đào Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Đào Thị Hồng M sinh ngày 13/8/2015; Đào Thị Hồng A sinh ngày 11/6/2018 cho chị Đặng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; tài sản chung, công nợ chung các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Tầm Thượng, xã Quang Lăng, huyện Phú Xuyên nên TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Đào Văn T và chị Đặng Thị L là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, thành phố Hà Nội (Đăng ký kết hôn số 26 ngày 25/10/2002). Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng nhau trong cuộc sống từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng khiến vợ chồng anh chị đã ly thân chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2020 đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng đối với chị L không còn, chị L không nhất trí ly hôn nhưng bản thân chị L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã đến mức trầm trọng, và đã sống ly thân nhau một thời gian, đời sống vợ chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa.... Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của anh Thông xin ly hôn chị Lưu là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh T ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung là Đào Thế H sinh ngày 25/8/2003, Đào Thế C sinh ngày 31/5/2008; Đào Thị Hồng M sinh ngày 13/8/2015; Đào Thị Hồng A sinh ngày 11/6/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T chị L đã thống nhất thỏa thuận giao anh T trực tiếp chăm sóc cháu H và cháu C; giao chị L trực tiếp chăm sóc cháu M và cháu Hồng A, không ai phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai. Thỏa thuận của anh chị phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho hai bên cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên có quyền thăm, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ngày 09/12/2020 anh Đào Văn T đã làm Đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của anh T chị L. Đến

ngày 16/12/2020 anh T đã nộp tạm ứng án phí phân chia tài sản chung của hai vợ chồng là 28.950.000 đồng tại Biên lai số 0005985 và Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 103a ngày 16 tháng 12 năm 2020. Đến ngày 04 tháng 5 năm 2021 anh T đã làm Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó anh T xin rút yêu cầu đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng với lý do hai vợ chồng anh đã thỏa thuận được phần tài sản chung, công nợ chung. Chị L có đơn yêu cầu phản tố, đề nghị xem xét công nợ chung, trong thời gian Tòa xem xét đơn thì chị L đã rút yêu cầu do vợ chồng đã thỏa thuận xong về công nợ chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T chị L đã thỏa thuận được tài sản chung của hai vợ chồng và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng anh T chị L. Về công nợ chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét. Do đang trong quá trình giải quyết, các bên đương sự đều rút đơn yêu cầu bổ sung và yêu cầu phản tố nên không cần thiết triệu tập những người có liên quan tham gia tố tụng. Trường hợp có cá nhân, tổ chức nào có yêu cầu giải quyết về công nợ đối với anh T chị L thì các bên thỏa thuận giải quyết, nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung của anh T chị L. Trả lại anh T 28.950.000 đồng tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản đã nộp

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn anh T và bị đơn chị L có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Đào Văn T được ly hôn chị Đặng Thị L.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh T chị L: Giao con chung là Đào Thế H sinh ngày 25/8/2003, Đào Thế C sinh ngày 31/5/2008 cho anh Đào Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Đào Thị Hồng M, sinh ngày 13/8/2015; Đào Thị Hồng A sinh ngày 11/6/2018 cho chị Đặng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho hai bên cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T, chị L đều có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Anh Đào Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005786 ngày 05/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Anh T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung của anh T. Trả lại anh T 28.950.000 đồng tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005985 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Trí Tuyên